

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2020/KDTM-ST**

Ngày: 29 - 5 - 2020.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Lê Dung.

2. Ông Nguyễn Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29-5-2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2019/TLST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q. Địa chỉ: 2x đường C, phường L, quận Đ, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Hữu Đ - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: ông Lê Văn S - Chuyên viên xử lý nợ, Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Q. (có mặt)

(Văn bản ủy quyền tham gia tố tụng số 5051/UQ-MBAMC ngày 08-10-2019)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại V. Địa chỉ: 35/8 B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Người đại diện theo pháp luật: ông Hồ Văn L - Giám đốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Lê Văn Sáu trình bày:

Ngày 12-5-2017 và 26-6-2017 Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại V (viết tắt: Công ty V) ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (viết tắt Ngân hàng Q) với các hợp đồng tín dụng cùng các khế ước nhận nợ và tài sản thế chấp như sau:

- Hợp đồng 1: số 8608.17.560.2776199.TD ngày 12-5-2017 và khế ước nhận nợ số LD1713392307 ngày 13-5-2017, số tiền vay 728.365.000đ; mục đích vay mua xe ô tô; thời hạn vay 5 năm được chia làm 60 kỳ trả nợ, mỗi kỳ 12.139.416đ; lãi suất thả nổi, tại thời điểm vay là 10%/năm, được điều chỉnh 3 tháng một lần; tài sản thế chấp là 01 xe ô tô hiệu Suzuki, số loại Vitara, biển kiểm soát 72A-218.81, theo hợp đồng thế chấp số 8614.17.560.2776199.BĐ và được đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày 12-5-2017. Tính đến ngày 18-9-2019, Công ty V còn nợ gốc 485.576.424đ và lãi 37.791.949đ.

- Hợp đồng 2: số 11625.17.560.2776199.TD ngày 26-6-2017 và khế ước nhận nợ số LD1718435307 ngày 03-7-2017, số tiền vay 490.000.000đ; mục đích vay mua máy móc thiết bị; thời hạn vay 03 năm được chia làm 36 kỳ trả nợ, mỗi kỳ 13.611.111đ; lãi suất thả nổi, tại thời điểm vay là 10%/năm, được điều chỉnh 3 tháng một lần; tài sản thế chấp là thiết bị, máy móc theo hợp đồng thế chấp số 9434.17.560.2776199.BĐ ngày 26-6-2017 và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27-6-2017. Tính đến ngày 18-9-2019, Công ty V còn nợ gốc 231.388.891đ, lãi 18.936.818đ.

Ngân hàng Q đã nhiều lần thông báo nhưng Công ty V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng Q yêu cầu Công ty V phải trả nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 29-5-2020 của hợp đồng 1 là 565.186.895đ (nợ gốc 485.576.424đ, nợ lãi 79.610.490đ); của hợp đồng 2 là 274.421.493đ (nợ gốc 231.388.891đ, nợ lãi 43.032.602đ). Tổng cộng 839.608.388đ.

Công ty V phải tiếp tục trả lãi từ ngày 30-5-2020 trên nợ gốc của cả hai hợp đồng trên cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại V: đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ các hợp đồng cho vay số 8608.17.560.2776199.TD ngày 12-5-2017 và số 11625.17.560.2776199.TD ngày 26-6-2017 cùng các khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng Q với Công ty V. Có cơ sở xác định, ngày 13-5-2017 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 728.365.000đ và ngày 03-7-2017 vay số tiền 490.000.000đ là có thật và đã được giải ngân theo khế

ước nhận nợ số LD1713392307 và số LD1718435307; mục đích vay mua xe ô tô và mua máy móc thiết bị cho Công ty; thời hạn vay 60 tháng và 36 tháng; lãi suất tại thời điểm vay 10%/năm, được thả nổi 3 tháng điều chỉnh 1 lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn và được thanh toán vào ngày 15 hàng tháng. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác nhận bị đơn đã trả một phần nợ và yêu cầu Công ty V phải trả nợ gốc, lãi tính đến ngày xét xử 29-5-2020, gồm: Hợp đồng 1: 565.186.895đ (gốc 485.576.424đ, lãi 79.610.490đ); Hợp đồng 2: 274.421.493đ (gốc 231.388.891đ, lãi 43.032.602đ); tổng cộng 839.608.388đ. Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã vi phạm về thời hạn trả lãi của cả hai hợp đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Công ty V phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc từ ngày 30-5-2020 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hai hợp đồng cho vay đã ký.

[3] Xét hợp đồng thế chấp tài sản giữa các đương sự: Để bảo đảm cho khoản vay trên, Công ty V đã thế chấp cho Ngân hàng 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại Vitara biển kiểm soát 72A-218.81 và máy móc, thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 8614.17.560.2776199.BĐ ngày 12-5-2017 và số 9434.17.560.2776199.BĐ ngày 26-6-2017. Xét thấy, các hợp đồng đã được đăng ký bảo đảm đúng quy định nên có giá trị bảo đảm cho việc thanh toán. Do đó, trường hợp Công ty V không trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[4] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại V phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số nợ phải trả 839.608.388đ là 37.188.251đ.

- Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”:

1. Buộc Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29-5-2020 là 839.608.388đ (Tám trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm linh tám ngàn, ba trăm tám mươi tám đồng), trong đó:

- Hợp đồng cho vay số 8608.17.560.2776199.TD ngày 12-5-2017: Nợ gốc 485.576.424đ và nợ lãi 79.610.490đ.

- Hợp đồng cho vay số 11625.17.560.2776199.TD ngày 26-6-2017: Nợ gốc 231.388.891đ và nợ lãi 43.032.602đ.

2. Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại V phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Q từ ngày 30-5-2020 cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 8608.17.560.2776199.TD ngày 12-05-2017 và Hợp đồng cho vay số 11625.17.560.2776199.TD ngày 26-6-2017,

3. Trường hợp Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại V không trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại Vitara biển kiểm soát 72A-218.81 và máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 8614.17.560.2776199.BĐ ngày 12-5-2017 và số 9434.17.560.2776199.BĐ ngày 26-6-2017.

4. Án phí:

- Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại V phải nộp 37.188.251đ (Ba mươi bảy triệu, một trăm tám mươi tám ngàn, hai trăm năm mươi một đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q 17.400.000đ (Mười bảy triệu, bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003457 ngày 16-12-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trí Thức